

Số: 55 /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Văn bản số 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022;

Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa việc tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả, đạt mục tiêu Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; làm căn cứ, cơ sở để các sở, ban, ngành, địa phương; Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, tổ chức và địa phương mình. Duy trì và từng bước nâng thứ hạng của tỉnh trên bảng xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI); phấn đấu đến năm 2025 Tuyên Quang là một trong những tỉnh xếp hạng khá, đến năm 2030 là tỉnh nằm trong nhóm dẫn đầu khu vực miền núi phía Bắc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp, sử dụng trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% các sở, ban, ngành, huyện, thành phố tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% cơ quan Nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung và 80% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh, thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP). 100% các hệ thống dùng chung và chuyên ngành đều được xác thực tập trung (SSO).

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan Nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (*trừ văn bản mật theo quy định*); 100% chế độ báo cáo được tạo lập, cập nhật, lưu trữ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung theo quy định.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước*); tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của

cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn).

- Năng suất lao động tăng bình quân từ 7%/năm.

- Thực hiện các mục tiêu tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:

- 100% người dân có danh tính số kèm theo mã QR code, có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân; 100% học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân; 100% hộ gia đình có địa chỉ số và có ít nhất 01 điện thoại thông minh; 100% hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh, gửi, nhận hóa đơn điện tử với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.

- 100% tuyến đường chính tại trung tâm các huyện, thành phố được lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh; 100% di sản của tỉnh có hiện diện số và hình thành bản đồ di sản số để người dân, khách du lịch truy cập thuận lợi trên môi trường số.

- Phấn đấu triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% thôn, bản và trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng 5G. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%.

- Thực hiện các mục tiêu tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; 100% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trong toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia (*dân cư, đất đai, bảo hiểm...*) thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. Từng bước mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công*

việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước); tối thiểu 70% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:

- Phấn đấu kinh tế số chiếm 30% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn).

- Năng suất lao động tăng bình quân từ 8%/năm.

- Thực hiện các mục tiêu tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:

- Triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 5G trên địa bàn toàn tỉnh.

- 100% hộ gia đình có ít nhất 02 điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 80%.

- Thực hiện các mục tiêu tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép với các dự án, chương trình, kế hoạch khác có liên quan; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Tổng kinh phí dự kiến: 597.375 triệu đồng,

Trong đó:

- Kinh phí sự nghiệp: 474.025 triệu đồng

- Vốn đầu tư công: 52.300 triệu đồng

- Vốn xã hội hóa: 71.050 triệu đồng.

Hàng năm, ưu tiên bố trí, chi cận đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số và đô thị thông minh, đặc biệt là công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ về chuyên ngành công nghệ thông tin.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai của đơn vị mình và ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nội dung kế hoạch.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan duy trì hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công; ưu tiên đầu tư, triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, vận hành, khai thác và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và hệ thống Thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương, định kỳ 6 tháng và hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập kế hoạch phân bổ kinh phí về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, theo quy định.

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các chương trình, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển giao dịch điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm và tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vào năm kết thúc.

Phối hợp, tham gia ý kiến đối với các chương trình, dự án của Kế hoạch do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của nhiệm vụ, dự án để phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo Ban Chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Tiếp tục triển khai, thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ứng dụng dùng chung, chuyên ngành, các hệ thống thông tin trong nội bộ tỉnh thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP); triển khai kết nối với hệ thống kết nối quốc gia (NGSP); thực hiện liên thông các hệ thống thông tin giữa các Bộ, ngành.

Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Hàng năm, căn cứ Kế hoạch này và định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ban, ngành ở Trung ương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 hàng năm bố trí cho các công trình đảm bảo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký thành lập doanh nghiệp công nghệ số. Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp công nghệ số trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Phối hợp với các cơ quan đơn vị tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền cân đối, phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các dự án về chuyển đổi số đảm bảo đúng tiến độ.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh theo nội dung Kế hoạch.

- Hướng dẫn, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán kinh phí theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch trên cơ sở, khả năng cân đối ngân sách địa phương, ưu tiên bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ.

6. Sở Nội vụ

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến về chuyển đổi số, đặc biệt đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích nổi bật, xuất sắc trong triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp về chuyển đổi số; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về chính quyền số cho các cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ số liên tục thay đổi và phát triển; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đổi mới phương pháp giáo dục trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo trên nền tảng số; triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến và từng bước phát triển kho tài nguyên giáo dục số; tổ chức bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của ngành.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đề xuất, tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ phục vụ chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

9. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Người đứng đầu cơ quan, Thủ trưởng các đơn vị quyết liệt chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đặc biệt gắn việc ứng dụng công nghệ thông tin với thực hiện cải cách hành chính.

Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả và đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của cơ quan, đơn vị mình.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

Tổ chức các cuộc họp giao ban trực tuyến với các cơ quan, đơn vị liên quan trên Hệ thống Hội nghị giao ban điện tử tỉnh. Phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh.

Xây dựng các nội dung tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin, gắn kết chặt chẽ công nghệ thông tin với cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

Thủ trưởng các cơ quan có lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số lập kế hoạch chi tiết, gửi Sở Thông tin và Truyền thông góp ý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai.

Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6) và hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả thực hiện.

Lồng ghép, cập nhật nội dung, nhiệm vụ của Chương trình, Kế hoạch, Đề án chuyển đổi số của Bộ ngành chủ quản với nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông; có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ chia sẻ cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

10. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh

Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

Phổ biến, lan tỏa, tôn vinh các mô hình, tấm gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

11. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng và các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động, đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 30 trên địa bàn tỉnh. Tham gia kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo điện tử tỉnh;
- Phòng THCBKS;
- Lưu VT, TG CNTT 02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 55 /KH-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến			Căn cứ
								Kinh phí sự nghiệp	Vốn đầu tư	Xã hội hóa	
TỔNG CỘNG:								474.025	52.300	71.050	
I	Chuyển đổi nhận thức							5.700	0	50	
1	Tổ chức Hội thảo về Chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo quy mô cấp tỉnh về chuyển đổi số, Chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Tháng 4/2022	Tháng 5/2022	Hội thảo			50	Xã hội hoá
2	Tập huấn nâng cao trình độ về Chuyển đổi số cho các cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023	Hội nghị	1.000			Theo Quyết định 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021; dự kiến tổ chức mỗi năm 1 đợt cho cán bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã.
3	Xây dựng đề án tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2023	2024	Đề án	1.500			Nguồn vốn ngân sách tỉnh
4	Tổ chức Đánh giá xếp hạng chuyển đổi số 6 tháng và 1 năm của các sở ban ngành, huyện thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Bảng xếp hạng	3.200			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến 800 triệu đồng/năm
II	Cơ chế chính sách							44.302	0	1.000	
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố. - Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Nhiệm vụ mới	Tháng 01/2022	Tháng 4/2022	Kế hoạch của UBND tỉnh				

2	Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá về Chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố. - Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Nhiệm vụ mới	Tháng 01/2022	Tháng 5/2022	Quyết định của UBND tỉnh				
3	Xây dựng Danh mục cơ sở dữ liệu kết nối, chia sẻ của tỉnh (theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và Kế hoạch số 04/KH-UBND ban hành kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Quyết định của UBND tỉnh				
4	Xây dựng quy chế, quy trình vận hành, sử dụng hội nghị truyền hình của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022		Quy chế				
5	Xây dựng quy chế, quy trình sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022		Quy chế				
6	Xây dựng quy chế, quy trình sử dụng hệ thống trực liên thông tích hợp dữ liệu (LGSP) của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022		Quy chế				
7	Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, phát triển công nghệ nền tảng và công nghệ ứng dụng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	Hàng năm	Các Đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh	4.000			- Nguồn vốn ngân sách tỉnh - Dự kiến 01 tỷ/năm (từ 2022-2025 khoảng 04 tỷ)

8	Triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	Hàng năm	Các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp	4.000			- Nguồn vốn ngân sách tỉnh - Dự kiến 01 tỷ/năm (từ 2022-2025 khoảng 04 tỷ)
9	Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025, định hướng năm 2030.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Đề án	500			
10	Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Chương trình	1.000			
11	Xây dựng Quy chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai trong việc trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Quy chế	100			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (theo Đề án “Kết nối liên thông điện tử giữa cơ quan Đăng ký đất đai và cơ quan Thuế” của Bộ Tài nguyên và Môi trường)
12	Đề án Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 của Sở Tài chính	Sở Tài chính	Các đơn vị dự toán trên địa bàn tỉnh	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Đề án	26.102			Nguồn vốn ngân sách tỉnh
13	Xây dựng chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Chương trình	6.600			Thực hiện theo Quyết định 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ
14	Hỗ trợ mô hình, chuyển đổi kinh tế nông nghiệp số.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Chương trình	1.500			
15	Trình phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 2.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	2022	Kiến trúc				

16	Đề án đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Tháng 5/2022	Tháng 12/2022	Đề án	500			Kinh phí sự nghiệp
17	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn và đảm bảo cung cấp hàng hóa thiết yếu khi có dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyên tiếp	2022	2025	các sản phẩm Nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử (Postmart và Voso)			1.000	Xã hội hoá
III	Phát triển hạ tầng số							104.010	36.500	70.000	
1	Ngâm hóa hệ thống đường truyền Internet cấp quang	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các Doanh nghiệp viễn thông. - Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Hệ thống đường truyền Internet cấp quang được ngâm hóa			60.000	Nguồn vốn xã hội hoá
2	Xây dựng hạ tầng truyền dẫn kết nối từ đến 100% thôn, bản trên địa bàn tỉnh (hiện còn 40 thôn chưa có hạ tầng băng rộng)	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các Doanh nghiệp viễn thông. - Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Nhiệm vụ mới	2022	2023	Hạ tầng truyền dẫn được kết nối			10.000	Nguồn vốn xã hội hoá
3	Xây dựng mạng diện rộng (WAN) tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023	Mạng WAN kết nối các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	10.000			Theo Quyết định 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021

4	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023	Trung tâm Điều hành đô thị thông minh	20.000			Theo Quyết định 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021
5	Nâng cấp mở rộng trực kết nối chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023		20.000			Căn cứ theo Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 11/11/2021
6	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu để đảm bảo dung lượng lưu trữ dữ liệu cho các kho CSDL dùng chung của tỉnh và các sở ban ngành, huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023		10.000	10.000		Căn cứ theo Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 11/11/2021
7	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023		4.700			
8	Duy trì hoạt động hệ thống hội nghị giao ban điện tử tỉnh Tuyên Quang từ cấp tỉnh đến cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2023	2025	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang được nâng cấp	6.000			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến 2000 triệu đồng/năm

9	Xây dựng Nền tảng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang (bản đồ số tỉnh Tuyên Quang; Nền tảng ứng dụng di động (mobile app) dùng chung cho toàn tỉnh;...)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	2025		13.500	26.500		Vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20/12/2021; Căn cứ theo Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 11/11/2021
10	Nâng cấp hệ thống truyền thanh không dây FM sang Hệ thống Truyền thanh thông minh huyện Lâm Bình	Huyện Lâm Bình	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022		3.650			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (theo Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh)
11	Nâng cấp hệ thống truyền thanh không dây FM sang Hệ thống Truyền thanh thông minh huyện Na Hang	Huyện Na Hang	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022		3.860			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (theo Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh)
12	Nâng cấp hệ thống truyền thanh không dây FM sang Hệ thống Truyền thanh thông minh huyện Hàm Yên	Huyện Hàm Yên	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022		7.300			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (theo Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh)
13	Dự án xây dựng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh	5.000			Nguồn vốn ngân sách tỉnh
IV	Phát triển ứng dụng, nền tảng số							155.173	15.800	0	

1	Duy trì thuê Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Hệ thống	2.000			Nguồn vốn ngân sách tỉnh
2	Xây dựng Công cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Dự án mới	2022	2023	Cổng CSDL để kết nối, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan nhà	15.000			Theo Quyết định 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021
3	Xây dựng nền tảng di động (mobile app), đảm bảo 100% dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp độ 4 (không khai đơn, chỉ đính kèm thành phần hồ sơ) chạy trên nền tảng di động (thuộc Dự án đầu tư ứng dụng CNTT tỉnh Tuyên Quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021-2025)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Dự án chuyển tiếp	2022	2023	Thiết lập kênh tương tác đa chiều giữa Chính quyền và người dân, doanh nghiệp một cách kịp thời, hiệu quả.	6.300			Theo Quyết định 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021; Vốn đầu tư công được cấp theo Nghị quyết 72/NQ-HĐND
4	Xây dựng nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh (Tổng Đài trả lời tự động AI; Các APP dùng chung cho toàn tỉnh; phần mềm ra soát thông tin xấu độc, tin giả trên Internet...)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Dự án mới	2022	2025	Nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh	20.000			Vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20/12/2021; Căn cứ theo Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 11/11/2021

5	Số hoá kết quả TTHC còn hiệu lực và còn tái sử dụng được (theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ)	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Kết quả TTHC còn hiệu lực và còn tái sử dụng được số hoá	20.000			Theo kế hoạch 13/KH-UBND ngày 21/01/2021
6	Duy trì Thuê Cổng DVC và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	2025	Cổng DVC và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang cung cấp dịch vụ công trực tuyến	9.200			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến 2300 triệu đồng/năm
7	Duy trì Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc cho các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	2025	Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc cho các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang	10.400			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến 2600 triệu đồng/năm

8	Duy trì Thuê trực liên thông văn bản nội bộ tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyên tiếp	2022	2025	Trực liên thông văn bản để gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước	320			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến 80 triệu đồng/năm
9	Duy trì Thuê máy chủ bảo mật để kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyên tiếp	2022	2025	Máy chủ bảo mật kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia	400			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến 100 triệu đồng/năm
10	Duy trì, nâng cấp nền tảng E-mail công vụ chung cho tỉnh Tuyên Quang, ứng dụng từ cấp tỉnh đến cấp phường, xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Hệ thống mail công vụ	700			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến nâng cấp 300 triệu, duy trì 100 triệu đồng/năm
11	Xây dựng hệ thống chứng thực điện tử tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Hệ thống chứng thực điện tử	500			

12	Xây dựng hệ thống Phần mềm nguồn truyền thanh CNTT thông tin tập trung cấp tỉnh phục vụ cho kết nối liên thông hệ thống truyền thanh CNTT từ cấp Trung ương đến địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023	Phần mềm nguồn thông tin tập trung cho hệ thống truyền thanh CNTT trên địa bàn toàn tỉnh	2.800			Nguồn vốn ngân sách tỉnh
13	Thuê dịch vụ thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2023	2025		3.768			Nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn xã hội hóa; thực hiện hàng năm; dự kiến 1256 triệu/năm
14	Xây dựng Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh (IOC) trên cơ sở triển khai và hoàn thiện hệ thống thông tin thống nhất của ngành về học sinh, nhân sự	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2022	2022	Dữ liệu học sinh, nhân sự thống nhất của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, GDTX	594			
15	Triển khai thuê nền tảng học trực tuyến để đa dạng các hình thức dạy - học.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2025	2030		4.161			
16	Xây dựng triển khai nền tảng quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số...	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Các nền tảng, phần mềm quản lý	4.000			- Thực hiện theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang

17	Ứng dụng công nghệ số giám sát công trình thủy lợi, môi trường nuôi trồng thủy sản vùng nuôi trồng tập trung.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Ứng dụng	7.000			
18	Ứng dụng CNTT để quản lý vận hành CSDL địa chính phục vụ cải cách hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện tại Văn phòng đăng ký đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022		3.000			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (thuê dịch vụ hàng năm)
19	Xây dựng hệ thống bản đồ dùng chung để quản lý, vận hành hệ thống bản đồ số	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Hệ thống bản đồ	200			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (theo Quyết định số 942/QĐ-TTg)
20	Nâng cấp chức năng Cổng du lịch thông minh (tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu ngành du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số kết hợp công nghệ 3D, 4D để giới thiệu các điểm đến, các tour, tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch,...)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyên tiếp	2022	2022	Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành du lịch	1.950			Theo Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh
21	Nâng cấp, triển khai diện rộng cho các đơn vị dự toán khối tỉnh phần mềm phân bổ dự toán - tổng hợp báo cáo và quyết toán các đơn vị xã/phường/thị trấn	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Phần mềm	2.500			Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
22	Hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Phần mềm	9.200			Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh

23	- Thuê phần mềm quản lý Trạm Y tế xã và mở rộng hệ thống tư vấn khám chữa bệnh từ xa. - Thuê phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT (HIS) tại các cơ sở tuyến huyện, tỉnh; triển khai Hệ thống thông tin xét nghiệm (LIS); hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (RIS/PACS).	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Các CSDL và các ứng dụng hệ thống tập trung của ngành y tế				Thực hiện theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang
24	Xây dựng hệ thống kết nối mạng lưới thiết bị IOT, cảm biến và ứng dụng công nghệ số để cảnh báo, giám sát nước thải, rác thải, ô nhiễm đất, khí hậu môi trường xung quanh	Ban Quản lý Các khu công nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2023	2024	Hệ thống quản lý	5.000			
25	Xây dựng hệ thống báo cáo kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	Ban Quản lý Các khu công nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2023	2024	Hệ thống	2.000			
26	Xây dựng nền tảng thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quản lý quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025		25.000			
27	Nâng cấp CSDL Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Nâng cấp phần mềm	480			Kinh phí năm 2022 đã được cấp 45 triệu đồng. Đề xuất năm 2022 nâng cấp 300 triệu đồng; duy trì các năm sau 45 triệu đồng/năm
28	Xây dựng nền tảng phần mềm chuyên ngành Dân tộc dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh.	Ban Dân tộc	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023	Phần mềm	1.000			

29	Xây dựng nền tảng phần mềm chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trực kết nối LGSP của tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023	Phần mềm	2.000			
30	Hệ thống phần mềm: Quản lý kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; quản lý các dự án đầu tư; quản lý hộ kinh doanh, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Xây dựng kho dữ liệu và nền tảng phần mềm chuyên ngành Kế hoạch đầu tư dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trực kết nối LGSP của tỉnh, gồm: CSDL kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; quản lý các dự án đầu tư; quản lý hộ kinh doanh, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Hệ thống phần mềm		9.500		Nguồn vốn đầu tư, ngân sách tỉnh đã phê duyệt tại Nghị quyết
31	Xây dựng nền tảng phần mềm chuyên ngành y tế dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trực kết nối LGSP của tỉnh	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Hệ thống phần mềm	1.000			
	Xây dựng nền tảng phần mềm chuyên ngành Tư pháp dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trực kết nối LGSP của tỉnh	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Hệ thống phần mềm	1.000			

V	Tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho chính điện tử, chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số							150.000	0	0	Theo Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh
1	Xây dựng kho dữ liệu và nền tảng phần mềm chuyên ngành Nội vụ dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm:	Sở Nội vụ									
1.1	CSDL quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2024	Phần mềm, CSDL quản lý hồ sơ cán bộ, CCVC, người lao động	3.452			- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng phần mềm và phát triển CSDL trong 3 năm đầu: 3.452 (năm 2022: 2.975; năm 2023: 165; năm 2024: 311).
1.2	CSDL Quản lý thi đua - khen thưởng	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Phần mềm quản lý thi đua - khen thưởng tỉnh Tuyên Quang	2.519			Nguồn vốn ngân sách tỉnh

1.3	CSDL quản lý chăm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị; tập thể lãnh đạo, quản lý; lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh, các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc, UBND huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Phần mềm chăm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị; tập thể lãnh đạo, quản lý; lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh, các tổ chức Hội cấp tỉnh được	500			Kinh phí năm 2022 đã được cấp
1.4	Nâng cấp CSDL Quản lý chăm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Tuyên Quang	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	Phần mềm được nâng cấp	45			Kinh phí năm 2022 đã được cấp
1.5	Nâng cấp, bổ sung CSDL tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Tuyên Quang	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2023	2023	CSDL được bổ sung, nâng	3.200			Nguồn vốn ngân sách tỉnh
2	Xây dựng kho dữ liệu chuyên ngành Y tế gồm: Xây dựng các CSDL và các ứng dụng hệ thống tập trung của ngành y tế, phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa;...	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Các CSDL và các ứng dụng hệ thống tập trung của ngành y tế	2.000			Thực hiện theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang

3	Xây dựng kho dữ liệu chuyên ngành Tư pháp gồm:	Sở Tư pháp									
3.1	Số hóa sở hộ tịch điện tử phục vụ xây dựng CSDL Hộ tịch điện tử toàn quốc (giai đoạn 2021-2025)	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	2025	Sở hộ tịch điện tử được số hóa và cập nhật vào CSDL hộ tịch điện tử	6.600			
3.2	Xây dựng CSDL xử phạt vi phạm hành chính tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2023	2025	CSDL xử phạt vi phạm hành chính tỉnh Tuyên Quang	5.000			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (Thực hiện theo Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ)
3.3	Xây dựng CSDL về tình hình thi hành pháp luật để theo dõi, đánh giá định kỳ	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Phần mềm	500			
3.4	Xây dựng phần mềm kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Phần mềm	500			
3.5	Xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	CSDL lý lịch tư pháp	3.000			
4	Xây dựng kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu và nền tảng phần mềm chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm:	Sở Giáo dục và Đào tạo									

4.1	Hoàn thiện và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, số hóa dữ liệu về trường, lớp, học sinh, nhân sự	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2022	2022	Dữ liệu học sinh, nhân sự các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, GDTX của phần mềm Quản lý trường học	2.355			
4.2	CSDL về điểm số của học sinh (số điểm điện tử ở 100% trường trung học; 100% cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng học bạ điện tử đối với học sinh các lớp đầu cấp.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2022	2022	Sổ điểm điện tử; học bạ điện tử học sinh các lớp đầu cấp	2.167			
4.3	CSDL cơ sở vật chất, tài chính của toàn ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2023	2023		1.413			
4.4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác kiểm định chất lượng giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2023	2024		942			
4.5	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý văn bằng, chứng chỉ.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2022	2023		2.100			
4.6	Cơ sở dữ liệu về tuyển sinh đầu cấp, thi học sinh giỏi các cấp.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	2022	2022		408			
5	Xây dựng kho dữ liệu Tài nguyên và Môi trường dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm:	Sở Tài nguyên và Môi trường									

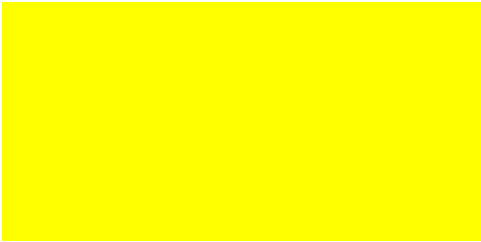
5.1	Điều tra, khảo sát xây dựng CSDL về nguồn tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyên tiếp	2022	2022	CSDL về nguồn tài nguyên nước	2.856			Nguồn vốn ngân sách tỉnh
5.2	Chuẩn hóa CSDL địa chính cho 37 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022		2.000			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (theo thông tư 75/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường)
5.3	Xây dựng CSDL Môi trường tỉnh Tuyên Quang, tích hợp CSDL Môi trường quốc gia (theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023		3.000			
5.4	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2024	2024	CSDL	2.000			Nguồn vốn ngân sách tỉnh (theo Quyết định số 1618/QĐ-TTg ngày 24/10/2017 của Chính phủ)
5.5	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu giá đất trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2023	2025	CSDL	1.000			
5.6	Xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2023	2025	CSDL	1.000			
5.7	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý Quốc gia tỷ lệ 1/2000 tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2023	2025	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/2000 được triển khai, vận hành	6.000			

6	Xây dựng kho dữ liệu chuyên ngành Thông tin và Truyền thông dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm:	Sở Thông tin và Truyền thông							3.000			
6.1	Dữ liệu bưu chính: các doanh nghiệp bưu chính, các điểm phục vụ bưu chính, các dịch vụ bưu chính...		Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Các Doanh nghiệp Bưu chính.	Nhiệm vụ mới	2023	2023						
6.2	Dữ liệu viễn thông: Các doanh nghiệp viễn thông, các điểm cung cấp dịch vụ, thông tin các trạm thu phát sóng (vị trí, loại trạm, giấy phép...), hệ thống cáp quang...		Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Các Doanh nghiệp Viễn thông.	nhiệm vụ chuyên tiếp	2023	2023						
6.3	Dữ liệu Công nghệ thông tin: dữ liệu đường truyền, thiết bị, dự án công nghệ thông tin, các ứng dụng công nghệ thông tin...		Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Nhiệm vụ mới	2023	2023						
6.4	Dữ liệu thông tin: Hệ thống thông tin, truyền thanh cơ sở...		Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Nhiệm vụ mới	2023	2023						
6.5	Dữ liệu báo chí: quản lý thông tin về các cơ quan truyền thông, quản lý phóng viên, nhà báo...		Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Nhiệm vụ mới	2023	2023						
6.6	Dữ liệu xuất bản: thông tin các cơ sở in, xuất bản...		Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Nhiệm vụ mới	2023	2023						

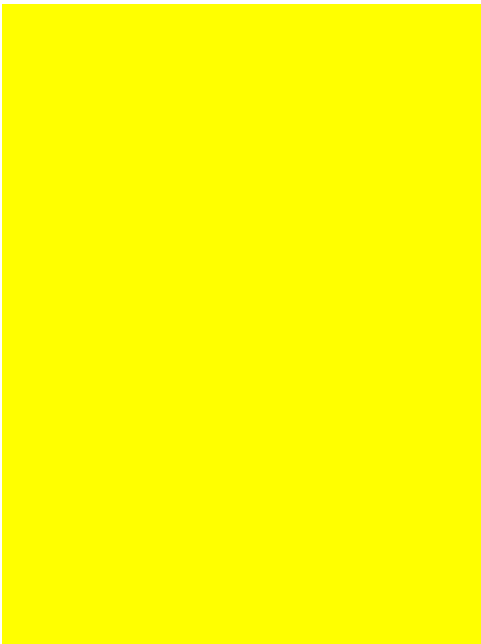
7	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ (đề tài, dự án khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ	3.000			
8	Xây dựng kho dữ liệu và nền tảng phần mềm chuyên ngành Văn hóa, thể thao và du lịch dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm: CSDL vận động viên các đội thể thao tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2022	CSDL	2.509			Nguồn vốn ngân sách tỉnh
9	Xây dựng kho dữ liệu gồm: CSDL các dân tộc thiểu số, CSDL người có công, CSDL thi đua khen thưởng, CSDL VBPL chủ trương, chính sách về dân tộc...	Ban Dân tộc	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Cơ sở dữ liệu	1.000			
10	Xây dựng kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu và nền tảng phần mềm chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển Nông thôn dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm: Điều tra, xây dựng CSDL nông nghiệp (ứng dụng công nghệ WebGIS) phục vụ quản lý ngành nông nghiệp và phát triển chuyển đổi số trong nông nghiệp đến năm 2030	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Cơ sở dữ liệu	5.000			Thực hiện theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang

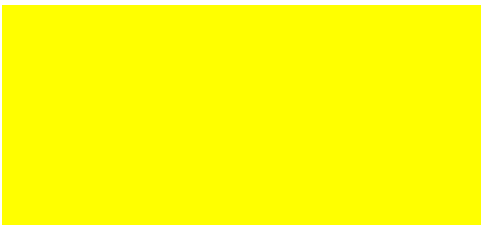
11	Xây dựng kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành xây dựng dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm:										
11.1	Xây dựng và triển khai hoạt động Quản lý hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác lập quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng của tỉnh	Sở Xây dựng		Nhiệm vụ mới	2022	2022	Hệ thống quản lý	1.000			
11.2	Tạo lập cơ sở dữ liệu trong công tác quy hoạch vùng khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng		Nhiệm vụ mới	2022	2022	Số hóa	1.000			
11.3	Xây dựng hệ CSDL về quản lý kinh tế xây dựng, pháp lý và thông tin	Sở Xây dựng		Nhiệm vụ mới	2022	2022	Cơ sở dữ liệu	1.000			
12	Xây dựng kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành giao thông vận tải dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm:	Sở Giao thông vận tải		Nhiệm vụ mới	2022	2025	Cơ sở dữ liệu	5.000			
13	Tạo lập cơ sở dữ liệu của các lĩnh vực thuộc địa bàn quản lý, kết nối vào kho dữ liệu dùng chung theo từng ngành, lĩnh vực, trên nền tảng hệ thống phần mềm dùng chung của các Sở, ngành	UBND các huyện, Thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2023		56.000			
14	Xây dựng kho dữ liệu từng ngành và tạo lập kết nối các dữ liệu chuyên ngành trên toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban,, ngành; UBND các huyện, thành phố	Nhiệm vụ mới	2022	2023		16.934			

VI	Đảm bảo an toàn, an ninh mạng							14.840	0	0	
1	Tập huấn, diễn tập ứng cứu sự cố mạng, máy tính tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Hội nghị	600			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; Thực hiện hàng năm, dự kiến 150 triệu đồng/năm
2	Triển khai giám sát an toàn ANTT 4 cấp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh (SOC)	Sở Thông tin và Truyền thông			2022	2025	Hệ thống giám sát an toàn ANTT	7.840			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; Thực hiện hàng năm, dự kiến 1960 triệu đồng/năm
3	Triển khai Phần mềm phòng chống mã độc tập trung cho hệ thống máy vi tính của các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2022	2025	Phần mềm phòng chống mã độc	6.400			Nguồn vốn ngân sách tỉnh; Thực hiện hàng năm; dự kiến 1400 triệu đồng/năm











Đề xuất bổ
sung hạng
mục của
Ban Dân tộc

